

Bản án số: 56/2018/HS-PT
Ngày 10-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lộc Sơn Thái;

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Bà Lương Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 77/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1962, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường X, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1930 và bà Bùi Thị T1, sinh năm 1929; có vợ Trần Thị U, sinh năm 1963 và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11-01-2018 đến ngày 30-01-2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Hoàng Văn Đ, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1987, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã Đ1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1957 và bà Luân Thị C1, sinh năm 1959; có vợ Đinh Thị B, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11-01-2018 đến ngày 30-01-2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Trần Thị Đ2, sinh ngày 16 tháng 12 năm 1972, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã Đ1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Vi Thị E (đã chết); có chồng Triệu Văn K1, sinh năm 1973 và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 16-01-2018 đến ngày 30-01-2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra còn có 01 bị cáo khác bị xử phạt về Tội đánh bạc không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 10-01-2018, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc Nguyễn Văn L có hành vi ghi lô, đề trái phép tại nhà ở đường X, khu T, thị trấn H. Quá trình kiểm tra, Nguyễn Văn L đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel V8510 màu đen, đã qua sử dụng, trong máy có lắp sim thuê bao 01669842238 và 0943750367 dùng để nhận các số lô, số đề do người khác chuyển đến. Khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn L thu giữ 05 tờ lịch có ghi nhiều chữ, số ở mặt sau.

Quá trình điều tra xác nhận: Nguyễn Văn L nhận ghi số lô đề của những người khác gửi cho mình qua điện thoại di động gồm: Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2, Triệu Thị Kim L1, Nông Thị D1, Trần Thị B1, Trần Thị T2, Triệu Văn K1. Ngoài ra, Đinh Thị B chuyển số lô đề cho Nguyễn Văn L hộ chồng là Hoàng Văn Đ. Đánh bạc dưới hình thức gồm: Đề, nhất to, đầu, đít, ba càng, lô, lô xiên. Nguyễn Văn L đã nhận số lô, số đề vào các ngày sau:

Ngày 12-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L 13.957.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 2.610.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 2.122.000 đồng; Triệu Thị Kim L1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 460.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 300.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 12-11-2017 là 11.499.000 đồng.

Ngày 13-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L là 25.886.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 7.467.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 20.000 đồng; Triệu Thị Kim L1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 460.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 300.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 13-11-2017 là 34.133.000 đồng.

Ngày 14-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L là 21.558.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 12.636.000 đồng; Triệu Thị Kim L1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 460.000 đồng; Trần Thị B1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 180.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 980.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 300.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 14-11-2017 là 18.314.000 đồng.

Ngày 15-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L là 19.176.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 6.108.000 đồng; Triệu Thị Kim L1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 560.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 230.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 1.780.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 520.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 15-11-2017 là 28.374.000 đồng.

Ngày 16-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L là 23.105.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 4.963.000 đồng; Triệu Thị Kim L1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 2.585.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 30.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 1.035.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 1.320.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 16-11-2017 là 33.038.000 đồng.

Ngày 18-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L là 17.730.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 3.731.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 1.205.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 3.863.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 1.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 18-11-2017 là 27.529.000 đồng.

Ngày 19-11-2017, Hoàng Văn Đ nhờ vợ là Đinh Thị B đánh bạc với Nguyễn Văn L là 6.743.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 1.845.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 699.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 1.837.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 200.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 19-11-2017 là 11.324.000 đồng.

Ngày 20-11-2017, Hoàng Văn Đ nhờ vợ là Đinh Thị B đánh bạc với Nguyễn Văn L là 4.115.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 7.249.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 2.165.000 đồng;

Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 1.100.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 20-11-2017 là 14.629.000 đồng.

Ngày 21-11-2017, Hoàng Văn Đ đánh bạc với Nguyễn Văn L là 855.000 đồng; Trần Thị Đ2 đánh bạc với Nguyễn Văn L 4.652.000 đồng; Nông Thị D1 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 1.834.000 đồng; Trần Thị T2 đánh bạc với Nguyễn Văn L là 50.000 đồng; Triệu Văn K1 đánh bạc với Nguyễn Văn L 300.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn L đánh bạc ngày 18-11-2017 là 7.691.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 11-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm p, khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15 (mười năm) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-01-2018 đến 30-01-2018 là 19 (mười chín) ngày, thời hạn còn lại bị cáo phải chấp hành là 14 (mười bốn) tháng 11 (mười một) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án; xử phạt bị cáo 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-01-2018 đến 30-01-2018 là 19 (mười chín) ngày, thời hạn còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 (mười một) tháng 11 (mười một) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Đ2 09 (chín) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 16-01-2018 đến 30-01-2018 là 14 (mười bốn) ngày, thời hạn còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) tháng 16 (mười sáu) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Đinh Thị B về Tội đánh bạc với mức án 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 20-6-2018, bị cáo Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 21-6-2018, bị cáo Trần Thị Đ2 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22-6-2018, bị cáo Hoàng Văn Đ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết mới phát sinh sau xét xử sơ thẩm; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2 đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người để tạm giam, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về Tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo không kháng cáo về tội danh, chỉ kháng cáo về phần hình phạt tù cho hưởng án treo.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi cho bản thân nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn L có vai trò cao nhất, bị cáo nhận tổng hợp các bảng lô đề; còn bị cáo Hoàng Văn Đ và Trần Thị Đ2 có vai trò thấp hơn, các bị cáo tổng hợp các bảng lô đề của người dân đến ghi chuyển cho Nguyễn Văn L do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đảm bảo được công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có vai trò là chủ đề, nhận các số lô số đề của các bị cáo khác. Bị cáo được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần do bị cáo nhiều lần nhận số tiền mà các tổng thư ký gửi đến theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo xuất trình Huân chương kháng chiến hạng ba của ông Nguyễn Văn D (là bố đẻ của bị cáo) do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo; xuất trình biên lai nộp tiền án phí sơ thẩm và biên lai nộp tiền

hình phạt bổ sung. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối chiếu với các quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Đ xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có vai trò là thư ký, nhận các số lô số đề của người đánh sau đó chuyển cho chủ đề. Bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn L. Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai nộp tiền hình phạt bổ sung và đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ1 về việc ở địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí có phần còn hạn chế. Do đó, cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối chiếu với các quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Đ xin hưởng án treo.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị Đ2 xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo cũng có vai trò là thư ký, nhận các số lô số đề của người đánh sau đó chuyển cho bị cáo Nguyễn Văn L. Bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và một tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai nộp tiền hình phạt bổ sung và đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ1 về việc ở địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước. Xét thấy, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí có phần còn hạn chế; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, đối chiếu với các quy định theo điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo do đó Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; việc sửa Bản án sơ thẩm là do có tình tiết mới cấp sơ thẩm không có lỗi.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; các Điều 20; Điều 31; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15 (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm 10/8/2018. Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; các Điều 20; Điều 31; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm 10/8/2018. Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Hoàng Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Hoàng Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; các Điều 20; Điều 31; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Trần Thị Đ2 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày xét xử phúc thẩm 10/8/2018. Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Trần Thị Đ2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Trần Thị Đ2 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Hoàng Văn Đ, Trần Thị Đ2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/8/2018./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái